

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 105/2022/HNGĐ-ST

Ngày 04 - 10 - 2022

V/v ly hôn, chia nợ chung khi ly
hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thanh Vy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Kỳ Trung

Ông Nguyễn Văn Quốc

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 744/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020 về ly hôn, chia nợ chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Huỳnh Tiến P, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp B, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Chị Phạm Thị Hồng L, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp B, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Lê Bình T, sinh năm 1974; (vắng mặt)

- Chị Huỳnh Thị H, sin năm 1975; (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của chị H: Anh Lê Bình T, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp B, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1959; địa chỉ: Ấp B, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Chị Huỳnh Thị Kim L1, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp B, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Chị Huỳnh Thị Mỹ K, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp B, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bà Đặng Thị G, sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp B, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 11 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Huỳnh Tiến P trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị L sau khi tìm hiểu thì kết hôn trên cơ sở ự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào năm 2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại ấp B, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Quá trình sống chung, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc do chị L không lo làm ăn. Đến năm 2020, chị L bỏ về nhà mẹ ruột tại ấp T1, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị L.

Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ chung như sau:

- Nợ anh Lê Bình T, chị Huỳnh Thị H tiền hụi 66.000.000 đồng.

- Nợ chị Huỳnh Thị Kim L1 6.000.000 đồng tiền nợ hụi.

- Nợ bà Nguyễn Thị X 25.000.000 đồng tiền nợ hụi.

- Nợ chị Huỳnh Thị Mỹ K 55.000.000 đồng.

- Nợ bà Đặng Thị G 60.000.000 đồng.

Anh yêu cầu chia đôi số tiền nợ trên, anh và chị L mỗi người trả một nửa.

Theo bản tự khai ngày 04 tháng 3 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thị Hồng L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh P chung sống với nhau từ năm 2014, đến năm 2017 thì kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Đến năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc, năm 2020 chị bỏ về nhà mẹ ruột sống đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị đồng ý ly hôn với anh P.

Về con chung; Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị trình bày vợ chồng có tài sản chung, yêu cầu chia tài sản chung nhưng không đơn khởi kiện.

Về nợ chung: Chị xác nhận vợ chồng có nợ bà Nguyễn Thị X số tiền 25.000.000 đồng, chị đồng ý chia đôi số tiền nợ đối với bà X.

Chị có nợ riêng anh Lê Bình T, chị Huỳnh Thị H 20.000.000 đồng tiền vay, chị đồng ý trả cho anh T, chị H số tiền 20.000.000 đồng.

Ngoài ra, chị không còn nợ khoản tiền nào khác.

Tại đơn khởi kiện ngày 26 tháng 10 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Bình T, chị Huỳnh Thị H trình bày:

Vợ chồng P, L có tham gia chơi hội do anh và chị H là chủ hội các dây hội như sau:

Dây 1: Hội 1.000.000 đồng, khai ngày 05/5/2018 (DL), gồm 25 phần, anh P, chị L tham gia 02 phần:

- Ngày 05/10/2018, anh P, chị L trúng hội, chị L kêu hội 210.000 đồng, vợ chồng anh đã giao tiền hội cho anh P, chị L 19.560.000 đồng (sau khi trừ tiền còn 450.000 đồng). Sau khi hết hội, anh P, chị L đóng hội tiếp được 16 lần thì ngưng, còn nợ lại 04 lần là 4.000.000 đồng.

- Ngày 05/11/2018, anh P, chị L trúng hội, chị L kêu hội 240.000 đồng, vợ chồng anh đã giao tiền hội cho anh P, chị L 19.230.000 đồng (sau khi trừ tiền còn 450.000 đồng). Sau khi hết hội, anh P, chị L đóng hội tiếp được 15 lần thì ngưng, còn nợ lại 04 lần là 4.000.000 đồng.

Dây 2: Hội 1.000.000 đồng, khai ngày 10/11/2018 (AL), gồm 27 phần. Anh P, chị L tham gia 01 phần. Ngày 10/4/2019, anh P, chị L kêu hội 260.000 đồng, trúng hội số tiền 20.540.000 đồng (sau khi trừ tiền còn 450.000 đồng). Sau đó, anh P, chị L đóng hội được thêm 05 lần, còn nợ lại 17 lần, số tiền 17.000.000 đồng.

Dây 3: Hội 1.000.000 đồng, khai ngày 20/6/2018 (AL), gồm 27 phần. Vợ chồng anh P, chị L tham gia 02 phần:

- Ngày 20/01/2019, anh P, chị L kêu hội 250.000 đồng, trúng hội số tiền 20.800.000 đồng (sau khi trừ tiền còn 450.000 đồng). Sau đó, anh P, chị L đóng hội thêm 13 lần, còn nợ lại 07 lần hội chết là 7.000.000 đồng.

- Ngày 20/6/2019, anh P, chị L kêu hội 280.000 đồng, trúng hội số tiền 21.630.000 đồng (sau khi trừ tiền còn 450.000 đồng). Sau đó, anh P, chị L đóng hội thêm 08 lần, còn nợ lại 07 lần hội chết là 7.000.000 đồng.

Dây 4: Hội 1.000.000 đồng, khai ngày 20/5/2019 (AL), gồm 26 phần, anh P, chị L tham gia 02 phần:

- Ngày 20/6/2019, anh P, chị L kêu hội 280.000 đồng, trúng hội số tiền 17.830.000 đồng (sau khi trừ tiền còn 450.000 đồng). Sau đó anh P, chị L đóng hội lại được 08 lần, còn nợ lại 17 lần là 17.000.000 đồng.

- Ngày 20/10/2019, anh P, chị L kêu hội 270.000 đồng, trúng hội số tiền 19.150.000 đồng (sau khi trừ tiền còn 450.000 đồng). Sau đó anh P, chị L đóng hội lại được 04 lần, còn nợ lại 17 lần là 17.000.000 đồng.

Tổng số tiền nợ hội là 73.000.000 đồng, sau đó anh P có trả thêm được 6.000.000 đồng, còn nợ lại tiền hội là 66.000.000 đồng.

Ngoài ra, ngày 02/8/2019, chị L có vay số tiền 20.000.000 đồng, có làm giấy tay, thỏa thuận miệng lãi suất 5%/tháng nhưng chị L không trả tiền.

Nay anh yêu cầu anh P, chị L trả số tiền nợ hội 66.000.000 đồng và tiền vay 20.000.000 đồng, tổng cộng 86.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 10 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị X trình bày:

Anh P, chị L có tham gia 02 dây hội do bà làm chủ hội như sau:

Dây 01: Hội 1.000.000 đồng, khai ngày 10/8/2018 (DL), hội gồm 22 phần, mãn ngày 10/5/2020 (DL). Ngày 10/11/2018, chị L kêu hội 300.000 đồng, trúng hội số tiền 15.600.000 đồng, trừ tiền hoa hồng còn 15.150.000 đồng. Anh P, chị L có góp hội lại đến tháng 12/2019, sau đó từ tháng 01/2020 đến tháng 05/2020 thì không đóng hội nữa, còn nợ 05 tháng tiền hội là 5.000.000 đồng.

Dây 02: Hội 2.000.000 đồng khai ngày 30/10/2018 (AL), gồm 24 phần, mãn ngày 30/8/2020 (AL). Chị L kêu hội 620.000 đồng, trúng hội số tiền 33.600.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 900.000 đồng, còn lại 32.700.000 đồng. Anh P, chị L đóng hội lại đến tháng 11/2019 (AL), sau đó từ tháng 12/2019 (AL) thì không đóng nữa, còn nợ lại 10 tháng tiền hội là 20.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu anh P, chị L trả số tiền nợ hội tổng cộng 25.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất của Ngân hàng Nhà nước kể từ ngày mãn hội đối với mỗi dây hội.

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 10 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, chị Huỳnh Thị Kim L1 trình bày:

Vợ chồng P, L có tham gia 01 dây hội do chị làm chủ hội: Hội 1.000.000 đồng, khai ngày 10/01/2019 (DL), gồm 22 phần, mãn ngày 10/10/2020 (DL). Ngày 10/5/2019 anh P, chị L kêu hội 280.000 đồng, trúng hội số tiền 15.900.000 đồng, trừ tiền còn 450.000 đồng, còn lại 15.450.000 đồng. Anh P, chị L đóng hội chết được 11 lần, còn lại 06 lần chưa đóng là 6.000.000 đồng. Nay chị yêu cầu buộc anh P, chị L trả số tiền 6.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 3 năm 2022, bà Đặng Thị G trình bày:

Bà là di ruột của anh P. Vào khoảng năm 2019, anh P có vay tiền của bà 03 lần, mỗi lần 20.000.000 đồng, tổng cộng 60.000.000 đồng, mục đích vay để trả nợ cho vợ P là chị L. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu anh P, chị L cùng trả số tiền 60.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Ngày 15/8/2022, bà G có đơn xin rút đơn khởi kiện với lý do tự thỏa thuận với anh P, chị L.

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 3 năm 2022, chị Huỳnh Thị Mỹ K trình bày:

Chị là chị của anh Huỳnh Tiến P P. Vào năm 2019, vợ chồng anh P, chị L có vay tiền chị 03 lần, 02 lần đầu mỗi lần 15.000.000 đồng, lần cuối vay 20.000.000 đồng, tổng cộng 55.000.000 đồng. Do đó, chị khởi kiện yêu cầu anh P, chị L trả số tiền 55.000.000 đồng.

Ngày 15/8/2022, chị L có đơn xin rút đơn khởi kiện với lý do tự thỏa thuận với anh P, chị L.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, xác định thẩm quyền, Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo đúng thành phần Hội đồng xét xử, phạm vi xét xử, trình tự thủ tục tại phiên tòa sơ thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của anh Huỳnh Tiến P đối với chị Phạm Thị Hồng L.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị G và chị Huỳnh Thị Mỹ K về việc yêu cầu anh P, chị L trả nợ, do có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện.

Anh P, chị L có trách nhiệm trả cho anh T, chị H số tiền 66.000.000 đồng, trả cho bà X số tiền 25.000.000 đồng, trả cho chị Huỳnh Thị Kim L1 số tiền 6.000.000 đồng. Riêng chị L trả cho anh T, chị H số tiền 20.000.000 đồng.

Về án phí: Anh P, chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Huỳnh Tiến P , anh Lê Bình T, chị Huỳnh Thị H, bà Nguyễn Thị X, chị Huỳnh Thị Kim L1 có đơn đề nghị vắng mặt, chị Phạm Thị Hồng L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do, do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh P, chị Hồng L, anh T, chị H, bà X, chị Kim Loan là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 227 Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh Tiến P và chị Phạm Thị Hồng L chung sống với nhau và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, năm 2017 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Quan hệ hôn nhân giữa anh P, chị L là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[3] Anh P, chị L trình bày thống nhất sau khi kết hôn, anh chị cùng chung sống tại ấp B, xã H, thị xã T tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống đến năm 2019 vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc. Đến năm 2020, chị L bỏ về nhà mẹ ruột sống tại ấp T1, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Xét thấy anh P, chị L đã ly thân từ năm 2020 đến nay, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, không ai có thiện chí hàn gắn, anh P yêu cầu ly hôn, chị L cũng đồng ý ly hôn với anh P. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh P là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về con chung: anh P, chị L trình bày không có con chung, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh P, chị L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về nợ chung:

[6.1] Anh P xác nhận vợ chồng anh có tham gia các dây hụi như lời trình bày của anh Lê Bình T, chị Huỳnh Thị H, bà Nguyễn Thị X, chị Huỳnh Thị Kim L1 trình bày là đúng, vợ chồng anh đã trúng hụi, có nhận đủ tiền hụi, sau đó có đóng hụi lại, nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên còn nợ lại tiền hụi như sau:

Nợ anh Lê Bình T, chị Huỳnh Thị H 66.000.000 đồng tiền hụi.

Nợ bà Nguyễn Thị X 25.000.000 đồng tiền hụi.

Nợ chị Huỳnh Thị Kim L1 6.000.000 đồng tiền hụi.

[6.2] Đối với số tiền nợ hụi 66.000.000 đồng của anh Lê Bình T, chị Huỳnh Thị H và số tiền nợ 6.000.000 đồng của chị Huỳnh Thị Kim Loan:

Xét thấy tại thời điểm chơi hụi và lĩnh hụi anh P và chị L còn sống chung, các khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, các dây hụi có phần do chị L ký nhận, có phần do anh P hoặc cả anh P, chị L cùng ký nhận. chị L cho rằng không biết gì về các dây hụi trên nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có cơ sở chấp nhận. Do đó, có cơ sở buộc anh P,

chị L có nghĩa vụ liên đới trả nợ đối với anh Bình, chị H và chị L. Cụ thể anh P, chị L mỗi người có trách nhiệm trả số tiền như sau:

Trả anh Lê Bình T, chị Huỳnh Thị H: 66.000.000 đồng : 2 = 33.000.000 đồng.

Trả chị Huỳnh Thị Kim L1: 6.000.000 đồng : 2 = 3.000.000 đồng.

[6.3] Đối với số tiền nợ hui 25.000.000 đồng và tiền lãi bà X khởi kiện:

Anh P, chị L đồng ý chia đôi số tiền nợ trên. Xét thấy, anh P, chị L vi phạm nghĩa vụ của hui viên khi không góp đủ phần hui cho chủ hui nên anh P, chị L còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm góp. Bà X yêu cầu tính tiền lãi đối với 02 dây hui theo lãi suất của Ngân hàng Nhà nước (9%/năm) là phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận. Do đó, anh P, chị L có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà X số tiền nợ gốc 25.000.000 đồng và tiền lãi như sau:

Đối với số tiền 5.000.000 đồng, từ ngày mãn hui 10/8/2018 (dl) đến ngày xét xử sơ thẩm 04/10/2022 là 25 tháng 24 ngày:

5.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 25 tháng 24 ngày = 967.500 đồng.

Đối với số tiền 20.000.000 đồng từ ngày mãn hui 30/8/2020 (al) nhằm ngày 16/10/2020 (dl) đến ngày 04/10/2022 là: 23 tháng 18 ngày:

20.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 23 tháng 18 ngày = 3.540.000 đồng.

Tổng cộng tiền gốc và lãi là: 29.507.500 đồng.

Anh P, chị L mỗi người có trách nhiệm trả bà X số tiền: 14.753.750 đồng.

[6.4] Đối với tiền tiền vay 20.000.000 đồng, anh T, chị H xác nhận chị L là người vay tiền, có viết giấy nợ. Chị L cũng xác định đây là khoản tiền nợ riêng và đồng ý trả cho anh T, chị H. Do đó, có cơ sở buộc chị H trả số tiền 20.000.000 đồng cho anh T, chị H. Anh T, chị H không yêu cầu tính lãi nên cần ghi nhận.

[7] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị G, chị Huỳnh Thị Mỹ K: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà G, chị K có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện nên căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà G, chị K.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Anh Huỳnh Tiến P phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và tiền án phí đối với nghĩa vụ trả nợ.

Chị Phạm Thị Hồng L phải chịu án phí đối với nghĩa vụ trả nợ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 264 và Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 56, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 471 Bộ luật Dân sự; Nghị định 19/2019/NĐ-CP về họ, húy, biểu, phùng ngày 19/02/2019; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của anh Huỳnh Tiến P với chị Phạm Thị Hồng L.

Anh Huỳnh Tiến P được ly hôn với chị Phạm Thị Hồng L

2. Về con chung: Anh P, chị L trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh P, chị L trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung:

4.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Bình T, chị Huỳnh Thị H đối với anh Huỳnh Tiến P , chị Phạm Thị Hồng L.

Buộc anh Huỳnh Tiến P có nghĩa vụ trả cho anh Lê Bình T, chị Huỳnh Thị H số tiền 33.000.000 đồng.

Buộc chị Phạm Thị Hồng L trả cho anh Lê Bình T, chị Huỳnh Thị H số tiền 53.000.000 đồng.

Ghi nhận anh Lê Bình T, chị Huỳnh Thị H không yêu cầu tính lãi.

4.2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Kim L1 đối với anh Huỳnh Tiến P , chị Phạm Thị Hồng L.

Buộc anh Huỳnh Tiến P có nghĩa vụ trả cho chị Huỳnh Thị Kim L1 số tiền 3.000.000 đồng.

Buộc chị Phạm Thị Hồng L có nghĩa vụ trả cho chị Huỳnh Thị Kim L1 số tiền 3.000.000 đồng.

Ghi nhận chị Huỳnh Thị Kim L1 không yêu cầu tính lãi.

4.3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X đối với anh Huỳnh Tiến P , chị Phạm Thị Hồng L.

Buộc anh Huỳnh Tiến P có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền 14.753.750 đồng.

Buộc chị Phạm Thị Hồng L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền 14.753.750 đồng.

4.4. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị G về việc yêu cầu anh P, chị L trả số tiền 60.000.000 đồng. Bà G có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

4.5. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Mỹ K về việc yêu cầu anh P, chị L trả số tiền 55.000.000 đồng. Chị K có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

5.1. Anh Huỳnh Tiến P phải chịu phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 2.537.500 đồng tiền án phí đối với nghĩa vụ trả nợ, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng anh P đã nộp theo biên lai thu số 0014987 ngày 22/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; anh P còn phải nộp thêm 2.537.500 đồng.

5.2. Chị Phạm Thị Hồng L phải chịu 3.537.500 đồng tiền án phí đối với nghĩa vụ trả nợ.

5.3. Hoàn trả cho anh Lê Bình T, chị Huỳnh Thị H 2.325.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014746 ngày 26/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

5.4. Hoàn trả cho chị Huỳnh Thị Kim L1 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014991 ngày 23/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

5.5. Hoàn trả cho bà Đặng Thị G 1.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0026473 ngày 03/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

5.6. Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Mỹ K 1.375.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0026474 ngày 03/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

6. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND xã H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh;
- Dương sự;
- Lưu: VT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

Võ Thanh Vy